

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG  
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/8/2020

Về việc: Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thảo và bà Lý Thị Nhân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2020/HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1977;

Nơi ĐKKH: Thôn 15, phường ĐC, thành phố TQ, tỉnh TQ.

Nơi ở: Thôn 10, xã NKH, huyện YS, tỉnh TQ;

Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn 15, phường ĐC, thành phố TQ, tỉnh TQ.

(Chị Đ có mặt tại phiên tòa; anh M có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Lê Văn M, đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 01 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Sông Lô, huyện YS, tỉnh TQ, quá trình chung sống vợ chồng chị không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn, tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi nhau, nhưng thời điểm mâu thuẫn nhất là từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, khi mâu thuẫn đã được hoà giải nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn M.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung, cháu Lê Thuỳ D, sinh năm 1994, cháu Lê Thị Thuý V, sinh năm 1997, cháu Lê Hoài N, sinh ngày 06/9/2004, đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành chị Đ không yêu cầu giải quyết, chị Đ đề nghị nuôi cháu Lê Hoài N và chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng chị tự giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Lê Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị Dương Thị Đ đăng ký kết hôn năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Sông Lô, huyện YS, tỉnh TQ, quá trình chung sống vợ chồng anh không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn, tình cảm vợ chồng trước đây vẫn bình thường, từ khoảng năm 2010 đến nay vợ chồng anh thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, do mâu thuẫn nên chị Đ đã chuyển đi sinh sống ở nơi khác từ năm 2018, không còn quan tâm đến nhau nữa, khi mâu thuẫn đã được hoà giải nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Đến nay chị Đ làm đơn ly hôn, anh M xác định không còn tình cảm vợ chồng nên anh nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung, cháu Lê Thuỳ D, sinh năm 1994, cháu Lê Thị Thuý V, sinh năm 1997, cháu Lê Hoài N, sinh ngày 06/9/2004, đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành anh M không yêu cầu giải quyết, anh M nhất trí việc chị Đ đề nghị nuôi cháu Lê Hoài N.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng anh tự giải quyết.

- Vụ án đã được Toà án thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân, Thư ký toà án từ khi thụ lý vụ án và xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đối với nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70, 71 BLTTDS. Đối với bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định điều 70 và điều 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 228; 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/TTLT- TANDTC - VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

- Các điều 09; 14; 15; 53; 81; 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Đ, về việc xin ly hôn với anh Lê Văn M. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị Đ và anh Lê Văn M; về con chung: Đối với cháu Lê Thuỳ D, sinh năm 1994, cháu Lê Thị Thuý V, sinh năm 1997, hai cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Đối với cháu Lê Hoài N, sinh ngày 06/9/2004 giao cho chị Dương Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh M và chị Đ không yêu cầu giải quyết; về án phí chị Đ phải chịu án phí và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị Đ và anh Lê Văn M, đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thôn 15, phường ĐC, thành phố TQ, tỉnh TQ, chị Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố TQ giải quyết ly hôn với anh Lê Văn M, địa chỉ: thôn 15, phường ĐC, thành phố TQ, tỉnh TQ. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TQ theo quy định tại các điều 28; 35 và điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Đ, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1977, anh Lê Văn M, sinh năm 1967, anh M và chị Đ đều xác nhận đăng ký kết hôn năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Sông Lô, huyện YS, tỉnh TQ (Nay là phường AT, thành phố TQ, tỉnh TQ), anh M và chị Đ không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, xác minh tại Ủy ban nhân dân phường An Tường không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1993, 1994. Anh M và chị Đ khai nhận đăng ký kết hôn năm 1993, tại thời điểm đó chị Dương Thị Đ mới 16 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn. Căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định nam, nữ có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng, mà không đăng ký kết hôn theo pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Anh Lê Văn M và chị Dương Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị Dương Thị Đ xin ly hôn với anh Lê Văn M, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị Đ.

[3]. Về con chung anh chị có 03 con chung, cháu Lê Thuỳ D, sinh năm 1994, cháu Lê Thị Thuý V, sinh năm 1997, cháu Lê Hoài N, sinh ngày 06/9/2004. Đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành anh M và chị Đ không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Lê Hoài N, sinh ngày 06/9/2004 cháu có nguyện vọng ở với chị Đ. Do vậy Hội đồng xét xử xử giao cháu Lê Hoài N, sinh ngày 06/9/2004 cho chị Dương Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Đ không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng anh M và chị Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Dương Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 28; 35; 39; 144; 147; 227; 228; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/TTLT- TANDTC - VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

- Căn cứ các điều 14; 15; 53; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn M và chị Dương Thị Đ.

2. Về con chung: Đối với cháu Lê Thuỳ D, sinh năm 1994 và cháu Lê Thị Thuỳ V, sinh năm 1997, hai cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

Xử giao cháu Lê Hoài N, sinh ngày 06/9/2004 cho chị Dương Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Lê Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con (Do chị Đ chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng), anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Lê Văn M và chị Dương Thị Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Đ phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000409 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TQ. Chị Dương Thị Đ đã nộp đủ án phí của vụ án.

Chị Dương Thị Đ có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TQ;
- VKSNDTP. TQ;
- CC THADSTP. TQ;
- UBND P. ĐC;
- Các đương sự ;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Nam**

—